

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04 /NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 29 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000
Khu công nghiệp Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XVII KỲ HỌP ĐỂ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐÓT XUẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 10 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

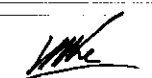
Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 36/2017/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu kinh tế Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Thái Bình, tỉnh Thái Bình đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Văn bản số 5081/BXD-QHKT ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;



Thực hiện Thông báo Kết luận số 168-TB/TU ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Thụy Trường, huyện Thái Thụy và Khu công nghiệp Tiên Hải 2, huyện Tiên Hải trong Khu kinh tế Thái Bình;

Xét Tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Thụy Trường, huyện Thái Thụy; Báo cáo thẩm tra số 08/BC-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Thụy Trường, huyện Thái Thụy, với những nội dung chính sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

2. Phạm vi và ranh giới quy hoạch

a) Khu công nghiệp Thụy Trường thuộc xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, nằm trong Khu kinh tế Thái Bình.

b) Ranh giới khu vực lập quy hoạch:

- Phía Đông giáp đê biển số 8 và khu dân cư.

- Phía Tây giáp đường bộ ven biển.

- Phía Nam giáp khu dân cư xã Thụy Trường.

- Phía Bắc giáp đê biển số 8.

c) Tổng diện tích lập quy hoạch: 256,72ha.

3. Tính chất

Khu công nghiệp tổng hợp đa ngành, công nghiệp sạch, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp ít gây ô nhiễm; ưu tiên các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh; các ngành nghề phù hợp với Quy hoạch chung Khu kinh tế Thái Bình.

4. Mục tiêu lập quy hoạch

a) Cụ thể hoá Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Thái Bình đã được phê duyệt.

b) Xác lập kế hoạch khai thác và sử dụng quỹ đất hợp lý, làm cơ sở pháp lý để quản lý nhà nước về quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng theo hướng phát triển bền vững.



c) Quy hoạch xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp đáp ứng nhu cầu của Khu công nghiệp tập trung và phù hợp với loại hình, quy mô công nghiệp dự kiến phát triển; đảm bảo kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

d) Là cơ sở để đề xuất, triển khai thực hiện các dự án đầu tư.

5. Các chỉ tiêu kỹ thuật

Các chỉ tiêu kỹ thuật phù hợp với Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Thái Bình và tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

6. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

STT	KÝ HIỆU	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (Ha)	TỶ LỆ (%)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỐI ĐA (%)	TẦNG CAO TỐI ĐA (Tầng)
A	KHU CÔNG NGHIỆP		227,00	100,00		
1	TTDV	ĐẤT HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ KCN	2,56	1,13	60	10
	CC.1	ĐẤT HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ KCN	2,56			
2	CN	ĐẤT NHÀ MÁY, KHO TÀNG	157,42	69,35	70	5
	CN.1	ĐẤT NHÀ MÁY, KHO TÀNG	22,87			
	CN.2	ĐẤT NHÀ MÁY, KHO TÀNG	9,27			
	CN.3	ĐẤT NHÀ MÁY, KHO TÀNG	3,36			
	CN.4	ĐẤT NHÀ MÁY, KHO TÀNG	8,98			
	CN.5	ĐẤT NHÀ MÁY, KHO TÀNG	16,45			
	CN.6	ĐẤT NHÀ MÁY, KHO TÀNG	12,25			
	CN.7	ĐẤT NHÀ MÁY, KHO TÀNG	11,62			
	CN.8	ĐẤT NHÀ MÁY, KHO TÀNG	21,38			
	CN.9	ĐẤT NHÀ MÁY, KHO TÀNG	9,20			
	CN.10	ĐẤT NHÀ MÁY, KHO TÀNG	15,11			
	CN.11	ĐẤT NHÀ MÁY, KHO TÀNG	8,31			
	CN.12	ĐẤT NHÀ MÁY, KHO TÀNG	18,62			
3		ĐẤT CÂY XANH, MẶT NƯỚC	37,40	16,47	5	
3.1		ĐẤT CÂY XANH	29,92			
3.2		MẶT NƯỚC	7,48			
4		ĐẤT TÔN GIÁO	0,58	0,25		
5	NT	ĐẤT NGHĨA TRANG	1,15	0,51		
6	QS	ĐẤT QUẢN SỰ	0,20	0,09		
7	HKT	ĐẤT CÁC KHU KỸ THUẬT	3,59	1,58	40	5
7.1	HKT.1	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	1,95			
7.2	HKT.2	TRẠM BIẾN ÁP	0,69			
7.3	HKT.3	TRẠM CẤP NƯỚC	0,95			
8	GT	ĐẤT GIAO THÔNG & BÃI ĐỖ XE	24,10	10,62		
B	KHU VỰC NGOÀI KHU CÔNG NGHIỆP		29,72	100,00		
1		ĐẤT Ồ	15,55	52,32		

STT	KÝ HIỆU	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (Ha)	TỶ LỆ (%)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỐI ĐA (%)	TẦNG CAO TỐI ĐA (Tầng)
1.1	OHT.1	ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG	1,76			
1.2	OHT.2	ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG	13,79			
2		ĐẤT NGHĨA TRANG	0,36	1,21		
3		ĐẤT ĐÈ VÀ HÀNH LANG BẢO VỆ	5,93	19,95		
4		ĐẤT TRƯỜNG MẦM NON THUY TRƯỜNG	0,12	0,40		
5		ĐẤT RUỘNG	6,65	22,38		
6		ĐẤT KHÁC (GIAO THÔNG, KÊNH...)	1,11	3,74		
TỔNG DIỆN TÍCH LẬP QUY HOẠCH			256,72	100,0		

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Chuẩn bị kỹ thuật

- Tuân thủ quy hoạch chung Khu kinh tế Thái Bình được phê duyệt: Cao độ thấp nhất +2,00m.

- Cốt nền xây dựng các lô đất được xác định trên cơ sở không chệch tim đường quy hoạch ở xung quanh, được thiết kế theo phương pháp đường đồng mức, độ dốc nền xây dựng trong các hướng dốc dần về phía đường giao thông và hệ thống thoát nước.

b) Quy hoạch hệ thống giao thông

- Giao thông đối ngoại:

+ Tuyến đường bộ ven biển, giáp ranh giới phía Đông phân khu, chạy theo hướng Bắc Nam, lộ giới 90m tuân thủ theo Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế.

+ Đường gom D1 Khu công nghiệp có mặt cắt 14,5m (3m + 7,5m + 4m).

+ Đường theo quy hoạch chung, giáp ranh giới phía Nam Khu công nghiệp; mặt cắt B - B; bề rộng đường 29,0m.

- Giao thông nội bộ:

+ Các tuyến đường trục chính Khu công nghiệp:

Tuyến N1: Mặt cắt 1 - 1; bề rộng đường 35m (4m + 10,5m + 6m + 10,5m + 4m).

Tuyến N2: Mặt cắt 3 - 3; bề rộng đường 23m (4m + 15m + 4m).

Tuyến D3: Mặt cắt 6 - 6; bề rộng đường 29m (4m + 7,5m + 6m + 7,5m + 4m).

+ Các tuyến đường nội khu:

Tuyến N3: Mặt cắt 7 - 7; bề rộng đường 26,5m (8m + 10,5m + 8m).

Tuyến N4: Mặt cắt 8 - 8; bề rộng đường 18,5m (2m + 10,5m + 6m).

Tuyến N5: Mặt cắt 5 - 5; bề rộng đường 17,5m (2m + 7,5m + 8m).

Tuyến N6, D2, D6: Mặt cắt 4 - 4; bề rộng đường 23,5m (8m + 7,5m + 8m).

Tuyến D4, D5: Mặt cắt 2 - 2; bề rộng đường 11,5m (4m + 7,5m).

Các tuyến đường nội bộ không đầu nối trực tiếp vào tuyến đường bộ ven biển, tổ chức đầu nối thông qua hệ thống các đường gom.

c) Quy hoạch hệ thống cấp điện

- Nguồn điện: Tuân thủ theo Quy hoạch chung Khu kinh tế Thái Bình.

- Nguồn cấp điện cho Khu công nghiệp từ Trạm 110KV Thụy Trường công suất dự kiến 2 x 63KVA đặt tại xã Thụy Trường.

- Giải pháp cấp điện:

+ Hệ thống cung cấp điện cho Khu công nghiệp bao gồm hệ thống cấp điện trung áp 22 KV cấp điện cho các lô trong quy hoạch Khu công nghiệp. Cấp điện sử dụng loại cáp đồng hoặc nhôm.

+ Lưới điện 22KV được quy hoạch kiểu mạch vòng kín vận hành hở. Trên các mạch vòng đó sử dụng các tủ điện đóng cắt trung thế (RMU) để phân đoạn tuyến phục vụ công tác quản lý vận hành, đảm bảo an toàn cấp điện và điểm chờ đầu nối cho nhu cầu sử dụng điện của các lô đất.

- Giải pháp bố trí điện chiếu sáng: Tùy theo chiều rộng của đường và theo kết quả tính toán sẽ bố trí hàng cột ở một bên vỉa hè, cả hai bên hoặc giữa giải phân cách, khoảng cách giữa các cột từ 30m - 40m, độ cao treo đèn 08m - 12m, góc nghiêng cần đèn 08 độ - 12 độ, tim cột cách lề đường 0,7m.

d) Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Nguồn nước: Từ nhà máy nước Diêm Điền hiện có, phù hợp với quy hoạch chung của Khu kinh tế. Trong Khu công nghiệp xây dựng Trạm tăng áp cấp nước công suất 7.500m³/ngày đêm để dự trữ và tăng áp chủ động cấp nước sinh hoạt, sản xuất cho Khu công nghiệp.

- Nhu cầu dùng nước: Tổng nhu cầu cấp nước của toàn khu quy hoạch khoảng 7.500m³/ngày đêm.

- Giải pháp thiết kế mạng lưới cấp nước:

+ Mạng lưới cấp nước của Khu công nghiệp là đường ống cấp nước kết hợp, cấp nước sản xuất và chữa cháy theo một ống chung, được thiết kế dạng vòng.

+ Nước từ trạm cấp nước được dẫn qua các ống HDPE đồng bộ, xây dựng dọc theo các trục giao thông cấp cho các khu chức năng trong Khu công nghiệp. Ống đặt vỉa hè, độ sâu chôn ống trung bình 1,0m tính từ mặt đất đến đỉnh ống. Hồ van được đặt tại các điểm nút. Mạng lưới truyền dẫn được thiết kế đảm bảo an toàn, liên tục.

+ Hệ thống cấp nước cứu hỏa áp lực thấp, áp lực tối thiểu tại trụ cứu hỏa là 10m. Khi có cháy, xe sẽ lấy nước ở các họng cứu hỏa bố trí trên trục đường chính được bố trí đảm bảo bán kính 150m.



Handwritten signature or mark at the bottom right corner.

đ) Quy hoạch hệ thống thoát nước

- Thoát nước mưa:

+ Sử dụng hệ thống cống thoát nước mưa riêng hoàn toàn với nước thải, hoạt động với chế độ tự chảy. Mạng lưới thoát nước được phân tán theo lưu vực, mỗi lô đất sẽ có mái dốc về các hướng có cống thoát nước bố trí dưới vỉa hè đường giao thông.

+ Sử dụng cống tròn bê tông cốt thép có đường kính D (600 - 2.000)mm.

Hướng thoát chính của Khu công nghiệp đều thoát ra tuyến kênh bao quanh Khu công nghiệp, chảy ra sông Thái Bình từ đó thoát ra biển qua các cống điều tiết qua đê.

- Thoát nước thải:

+ Tiêu chuẩn nước thải lấy bằng 80% tiêu chuẩn nước cấp.

+ Xây dựng 01 Trạm xử lý nước thải có công suất 5.500 m³/ngày đêm tại vị trí lô HTKT.1 ở phía Bắc.

+ Nước thải tại các nhà máy được thu gom về hệ thống đường ống thoát nước thải chôn ngầm dưới vỉa hè các tuyến đường giao thông nội bộ về trạm xử lý nước thải. Các tuyến ống có độ sâu chôn ống $\leq 4m$ bố trí các trạm bơm nước thải chuyên bậc. Tại trạm xử lý, nước thải được xử lý đạt chuẩn cột A theo QCVN 40:2011/BTNMT mới xả ra điểm tiếp nhận là cuối nguồn sông Thái Bình.

e) Vệ sinh môi trường

- Đối với chất thải rắn thông thường được phân loại ngay tại nguồn và chia làm 2 loại: Chất thải có thể dùng tái chế, tái sử dụng; chất thải phải tiêu hủy hoặc chôn lấp. Phương tiện lưu chứa chất thải rắn thông thường là các thùng rác có kích thước khác nhau và được bố trí tại các nguồn phát thải. Chất thải rắn thông thường được thu gom hàng ngày và được vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn tập trung của Khu kinh tế.

- Đối với chất thải rắn nguy hại: Được phân loại ngay tại nguồn phát sinh và được chứa trong các thùng riêng, đặt các thùng tại nơi có khả năng phát thải chất thải nguy hại, sau đó được vận chuyển đi xử lý định kỳ theo quy định.

g) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

Dọc trên các tuyến đường thiết kế hệ thống ống PVC đặt trên vỉa hè. Trên tuyến đường chính bố trí 06 ống PVC D 110 đặt song song. Trên các tuyến đường nhánh đặt 04 ống hoặc 02 ống PVC D 110 đặt song song. Trên các tuyến ống này bố trí các hố ga, kích thước các hố ga tuân theo TCVN 8700 - 2011. Khoảng cách giữa các hố ga trung bình là 60 - 100m tại các vị trí chuyển hướng có bố trí các hố ga.

h) Giải pháp bảo vệ môi trường

- Xác định các yếu tố gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, như: Môi trường không khí, môi trường nước, môi trường đất, môi trường cảnh quan và môi trường kinh tế - xã hội,...

Biện pháp bảo vệ và giảm thiểu ô nhiễm môi trường nhằm đạt tới môi trường bền vững, các biện pháp bảo vệ, gồm:

- Hạn chế nguồn gây ô nhiễm không khí và tiếng ồn từ các cơ sở sản xuất trong Khu công nghiệp bằng cách sử dụng máy móc, thiết bị công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường; trồng cây xanh cách ly xung quanh Khu công nghiệp.

- Bảo vệ môi trường nước mặt:

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ nhà máy phải được xử lý đạt tiêu chuẩn đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp. Toàn bộ nước thải này phải được xử lý đảm bảo theo hệ thống quản lý và bảo vệ môi trường theo Bộ tiêu chuẩn ISO14000 trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

+ Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại thu gom về hệ thống xử lý nước thải chung.

+ Đối với rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp được phân loại ngay tại nguồn phát sinh trước khi được thu gom hàng ngày về khu xử lý chất thải rắn tập trung của Khu kinh tế để xử lý.

- Kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường: Tiến hành quan trắc, giám sát môi trường không khí, nước thải,... phải theo đúng nội dung nêu trong Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường theo quy định.

9. Giải pháp quy hoạch khu nhà chuyên gia và người lao động, tái định cư, đất ở dân cư hiện hữu

Trong khu vực lập quy hoạch hiện có 15 hộ dân sẽ được tái định cư vào khu tái định cư nhà ở công nhân phía Nam Khu công nghiệp. Diện tích đất ở tái định cư dự kiến khoảng 3.000m².

Quy hoạch Khu nhà ở công nhân, tái định cư dự kiến có diện tích khoảng 15ha được quy hoạch ở phía Nam Khu công nghiệp (thuộc Dự án riêng).

(Có bản vẽ Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000
Khu công nghiệp Thụy Trường, huyện Thái Thụy kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khoá XVII Kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Giao thông vận tải; Công Thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quốc phòng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Thái Bình;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Báo Thái Bình; Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử Thái Bình; Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu VTVP.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Thành